

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2017

V/v: “Xin ly hôn, tranh  
chấp nợ và tranh chấp HĐTD”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

*Các Hội thẩm:*

1. Bà Trần Thị Kim Mỹ

2. Ông Phạm Văn Ninh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2017 về việc: “Xin ly hôn, tranh chấp nợ và tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Mỹ P**, sinh năm 1987

Trú tại: Phường PT, thành phố BT, tỉnh BT

Bị đơn: Ông **Phan Cao A**, sinh năm 1987

ĐKHKT: P7, thành phố BT, tỉnh BT

Tạm trú tại: Xã SĐ, thành phố BT, tỉnh BT

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1987

Trú tại: P6, thành phố BT, tỉnh BT

2. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1971

Trú tại: Xã AK, huyện CT, tỉnh BT (Cơ sở cung cấp bánh “D”).

3. Ông Nguyễn Nam PH, sinh năm 1985 - Cơ sở Quảng cáo **NP**.

Địa chỉ: Xã TT, huyện MCB, tỉnh BT.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần DNA

Trụ sở tại: Phường PCT, quận HK, Thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình KH – Trưởng ban xử lý nợ miền Nam (theo văn bản ủy quyền số 953/2014/UQ-SBank ngày 24/8/2014).

Ông Vũ Đình KH ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T - Phó giám đốc Chi nhánh TG tham gia tố tụng.

(Bà P, ông A, ông K, ông T có mặt; bà D, ông P xin giải quyết vắng mặt )

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa:*

*Theo nguyên đơn Huỳnh Mỹ P trình bày:*

Bà P và ông Phan Cao A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Tân, thành phố BT, tỉnh BT vào ngày 19/10/2015. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do bà P mâu thuẫn với cha mẹ chồng dẫn đến mâu thuẫn với ông A nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra vợ chồng bà P không có mâu thuẫn nào khác. Bà P và ông A đã ly thân từ tháng 9/2016. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà P xin được ly hôn với ông A.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

Về nợ riêng:

Vào tháng 12/2015 ông A có kêu bà P ký tên vào hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP DNA để vay số tiền 430.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe ô tô. Bà P ký tên vào hợp đồng tín dụng theo yêu cầu của ông A, chứ bà P hoàn toàn không có liên quan đến số nợ này. Hơn nữa đây là số tiền ông A vay để mua xe ô tô cho riêng cá nhân ông A chứ không phải mua xe cho 02 vợ chồng. Vì vậy, chiếc xe ô tô biển số 71A 023.66 là tài sản riêng của ông A và số nợ Ngân hàng TMCP DNA cũng là số nợ riêng của ông A nên ông A phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chứ không có liên quan gì đến bà P.

Về số nợ ông K, bà D, ông PH thì bà P có ý kiến như sau:

Bà P có biết việc ông A vay của ông Nguyễn Duy K số tiền 20.000.000 đồng, ông A vay của bà Huỳnh Thị D bao nhiêu tiền thì bà P không biết. Đây là số tiền ông A vay để cho vay lại nhằm hưởng chênh lệch tiêu xài cá nhân chứ không có liên quan gì đến bà P nên ông A phải có trách nhiệm trả số nợ này.

Số tiền nợ 8.500.000 đồng của ông Nguyễn NP - Cơ sở Quảng cáo NP, địa chỉ: Quốc lộ 60, ấp Thanh Sơn 3, Xã TT, huyện MCB, tỉnh BT, số nợ này để đầu tư làm bảng hiệu quảng cáo cho cửa hàng. Hiện tại ông A vẫn đang sử dụng cửa hàng này chứ bà P không có sử dụng nên ông A phải có trách nhiệm trả số nợ này chứ không có liên quan gì đến bà P.

Tại phiên tòa, bà P thừa nhận số nợ của ông K là nợ chung của hai vợ chồng và đồng ý chia đôi số nợ của ông K, mỗi bên chịu một nửa là 17.500.000 đồng.

Theo bị đơn Phan Cao A trình bày:

Ông A thống nhất với bà P về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, thời gian ly thân. Tuy nhiên, ông A có bổ sung ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến tháng 3/2016 phát sinh mâu thuẫn do làm ăn bị thất bại, ông A phát hiện bà P có quan hệ với người đàn ông khác nên bà P đã bỏ nhà đi cùng người đàn ông đó lên Bình Dương sống. Do vẫn còn tình cảm với bà P nên khi tìm được nơi ở của bà P thì ông A đi BD rồi ông A và bà P cùng đi du lịch từ N ra B, từ B vào N trong thời gian một tháng để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng sau khi đi du lịch về thì bà P về nhà mẹ ruột sống và một tháng sau thì nộp đơn xin ly hôn, ông A với bà P ly thân từ tháng 12/2016. Nay bà P xin ly hôn ông A cũng đồng ý ly hôn với bà P vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng ông A có các khoản nợ chung sau:

- Nợ ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1987, địa chỉ: P6, thành phố BT, tỉnh BT số tiền 35.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh, số tiền này do 02 vợ chồng ông A vay, việc vay tiền có làm giấy nợ.

- Nợ bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1971 (Cơ sở cung cấp bánh “D”), địa chỉ xã AK, huyện CT, tỉnh BT số tiền là 5.072.000 đồng, đây là tiền nợ khi 02 vợ chồng ông A lấy bánh kẹo của bà D về bán lại.

- Nợ ông Nguyễn NP, sinh năm 1985 (Cơ sở Quảng cáo NP), địa chỉ: Xã TT, huyện MCB, tỉnh BT số tiền 8.500.000 đồng, đây là tiền đầu tư bảng hiệu quảng cáo khi 02 vợ chồng kinh doanh bánh kẹo.

- Nợ Ngân hàng TMCP ĐNA, địa chỉ P3, thành phố MT, tỉnh TG, số tiền là 430.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe ô tô.

Nay ông A yêu cầu chia đôi số nợ của ông K, bà D và ông PH mỗi người chịu một nửa.

Về số nợ của Ngân hàng TMCP ĐNA: Vào tháng 12/2015 ông A có vay của Ngân hàng TMCP ĐNA số tiền 430.000.000 đồng, để mua xe ô tô biển số 71A 023.66. Việc mua xe ô tô được thực hiện qua Ngân hàng TMCP ĐNA. Giá chiếc xe là 580.000.000 đồng và cộng các khoản thuế, bảo hiểm, phí giao thông 120.000.000 đồng nên tổng giá trị mua xe ô tô nêu trên là 700.000.000 đồng. Ông A đã đưa trước cho Ngân hàng trên 200.000.000 đồng để làm thủ tục nhận xe và số tiền còn lại là 430.000.000 đồng thì vay của Ngân hàng. Khi ký hợp đồng tín dụng thì ông A có kêu bà P ký tên vào chứ thực tế bà P không có nhận tiền vay mà do ông A và Ngân hàng tự làm thủ tục để ông A nhận xe. Vì vậy chiếc xe này là tài sản riêng của ông A và số tiền nợ 430.000.000 đồng của Ngân hàng cũng là nợ riêng của ông A nên ông A chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng chứ không có liên quan gì đến bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Theo ông Nguyễn Duy K trình bày:

Ngày 10/4/2017 ông Nguyễn Duy K làm đơn yêu cầu độc lập với nội dung: Vào ngày 05/9/2016 vợ chồng ông A, bà P có mượn của ông K số tiền 20.000.000 đồng, ông A có làm biên nhận nợ, bà P không có ký tên vào biên nhận tiền nhưng ông

K đưa tiền trực tiếp cho bà P, có mặt ông A tại nơi buôn bán bánh kẹo của bà P, ông A.

Đến ngày 08/10/2016 ông A có hỏi mượn thêm 15.000.000 đồng, việc mượn tiền cũng có làm biên nhận nợ. Số tiền này ông K đưa cho ông A tại nhà của ông Khang, không có mặt bà P. Ông A, bà P mượn tiền để làm vốn kinh doanh.

Từ ngày mượn tiền đến nay thì ông A, bà P không có trả vốn và lãi cho ông Khang. Nay ông K khởi kiện yêu cầu ông A, bà P phải trả cho ông K số tiền là 35.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Theo ông Nguyễn NP trình bày:

Vào tháng 9/2016 ông PH có nhận làm bảng hiệu cửa hàng bánh kẹo cho ông A, bà P. Do ông A điện thoại cho ông PH nhưng khi ông PH đến cửa hàng báo giá thì có mặt ông A, bà P. Cả 02 vợ chồng đồng ý nên ông PH mới nhận làm bảng hiệu với giá là 14.000.000 đồng. Ông A, bà P đã trả cho ông PH 5.500.000 đồng, còn lại 8.500.000 đồng. Nay ông PH không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong vụ kiện này, nếu sau này phát sinh tranh chấp ông PH sẽ khởi kiện ông A, bà P bằng 01 vụ kiện khác. Do công việc làm ăn nên ông PH yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông PH.

Theo Bà Huỳnh Thị Dung trình bày:

Bà P, ông A có lấy bánh kẹo của bà D để bán lại và còn nợ 03 lần lấy bánh kẹo vào các ngày sau: Ngày 12/8/2015 nợ 1.630.000 đồng, ngày 20/11/2015 nợ số tiền 2.747.000 đồng và ngày 05/9/2015 nợ số tiền 1.125.000 đồng. Tổng số tiền ông A, bà P còn nợ bà D là 5.502.000 đồng. Nay bà P, ông A xin ly hôn thì bà D không có ý kiến. Về số tiền nợ thì bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bà D sẽ khởi kiện bà P, ông A bằng 01 vụ kiện khác. Do công việc làm ăn nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà D.

Theo ông Nguyễn Văn T được Ngân hàng TMCP ĐNA ủy quyền trình bày:

Ngày 14/8/2017 Ngân hàng TMCP ĐNA làm đơn yêu cầu độc lập với nội dung: Vào ngày 11/12/2015 ông A, bà P có ký hợp đồng tín dụng số 450-2015/HĐTD-TDH/CN với Ngân hàng TMCP ĐNA để vay số tiền 430.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay trong 12 tháng đầu là 8%/tháng, từ tháng thứ 13 thay đổi vào đầu mỗi quý bằng lãi suất tiền gửi 13 tháng + biên độ 4%/năm, nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả theo dư nợ thực tế vào ngày 15 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông A, bà P có ký hợp đồng thế chấp số 450-2015/HĐTC/SB.TG ngày 14/12/2015. Tài sản thế chấp là xe ô tô con, nhãn hiệu KIA, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003413 cấp ngày 11/12/2015, biển số 71A-023.66.

Trong quá trình vay thì ông A, bà P thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ, có một vài lần trả vốn và lãi trễ một hai ngày nhưng nằm trong giới hạn cho phép của Ngân hàng, tạm tính đến ngày hòa giải (ngày 06/9/2017) thì ông A và bà P còn nợ lại Ngân hàng tổng cộng là 309.105.503 đồng, trong đó: Nợ gốc là 306.855.231 đồng, lãi trong hạn là 2.250.271 đồng, lãi quá hạn 00 đồng.

Nay bà P xin ly hôn với ông A nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông A và bà P phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng cộng là 309.105.503 đồng, trong đó: Nợ gốc là 306.855.231 đồng, lãi trong hạn là 2.250.271 đồng, lãi quá hạn 00 đồng.

- Tiếp tục tính lãi theo mức lãi quá hạn từ ngày 07/9/2017 đến khi ông A và bà P trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Nếu ông A và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 450-2015/HĐTC/SB.TG ngày 14/12/2015 để thu hồi nợ.

- Nếu phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ để thu hồi nợ thì ông A và bà P vẫn phải tiếp tục thực nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi trả xong nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành đúng pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điều 27, 51, 56, 60 Luật Hôn nhân và gia đình 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà P đối với ông A và căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng đối với ông A, bà P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện xin ly hôn, tranh chấp nợ và tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị D, ông Nguyễn NP yêu cầu Tòa án giải quyết vắng nên mặt được chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D và ông PH.

[3] Về hôn nhân: Bà P và ông A tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PT, thành phố BT, tỉnh BT vào ngày 19/10/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa bà P vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với ông A và ông A cũng đồng ý ly hôn với bà P. Xét thấy đây là sự tự nguyện bà P và ông A không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung:

*Xét yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Duy Khang:*

Tại phiên tòa ông K vẫn giữ quan điểm yêu cầu ông A, bà P phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông K số tiền là 35.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ông A, bà P thừa nhận còn nợ ông K số tiền 35.000.000 đồng và ông A, bà P đồng ý

chia đôi số nợ này mỗi người 17.500.000 đồng nên ghi nhận. Ghi nhận ông K không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

*Về số tiền nợ là 8.500.000 đồng của ông Nguyễn NP:*

Ông PH có làm bằng hiệu cho cửa hàng của ông A, bà P với số tiền là 14.000.000 đồng. Ông A, bà P trả được 5.500.000 đồng, còn nợ lại 8.500.000 đồng đến nay chưa trả. Ông A thừa nhận đây là nợ chung của hai vợ chồng trong lúc kinh doanh còn bà P cho rằng đây là nợ riêng của ông A vì ông A đang sử dụng bằng hiệu này. Xét thấy đây là số nợ trong thời kỳ hôn nhân nhưng ông PH không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong vụ kiện này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông PH sẽ khởi kiện ông A, bà P bằng 01 vụ kiện khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Về số tiền nợ là 5.502.000 đồng của bà Huỳnh Thị D:*

Bà P, ông A có lấy bánh kẹo của bà D để bán lại nhưng còn nợ số tiền 5.502.000 đồng. Ông A thừa nhận đây là nợ chung của hai vợ chồng trong lúc kinh doanh, bà P cho rằng đây là nợ riêng của ông A. Xét thấy đây là số nợ trong thời kỳ hôn nhân nhưng nay bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bà D sẽ khởi kiện bà P, ông A bằng 01 vụ kiện khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐNA:*

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần ĐNA vẫn giữ quan điểm yêu cầu độc lập: Buộc ông A và bà P phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/9/2017 tổng cộng là 309.105.503 đồng, trong đó: Nợ gốc là 306.855.231 đồng, lãi trong hạn là 2.250.271 đồng, lãi quá hạn 00 đồng; Tiếp tục tính lãi theo mức lãi quá hạn từ ngày 07/9/2017 đến khi ông A và bà P trả hết nợ cho Ngân hàng; Nếu ông A và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 450-2015/HĐTC/SB.TG ngày 14/12/2015 để thu hồi nợ; Nếu phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ để thu hồi nợ thì ông A và bà P vẫn phải tiếp tục thực nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi trả xong nợ.

Xét thấy đại diện Ngân hàng thừa nhận từ khi vay tiền đến nay thì phía ông A, bà P luôn thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và không có nợ lãi quá hạn, hiện tại khoản vay này cũng chưa đến hạn thanh toán. Ông A, bà P không có vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu độc lập của Ngân hàng là chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐNA theo điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ngân hàng thương mại cổ phần ĐNA sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi ông A, bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà P phải nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P, ông A mỗi người phải nộp là 17.500.000 đồng x 5% = 875.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 27, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình 2015; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 131, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Mỹ P đối với ông Phan Cao A.

Về con chung, tài sản chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Duy K đối với bà Huỳnh Mỹ P và ông Phan Cao A.

Buộc bà Huỳnh Mỹ P và ông Phan Cao A mỗi người phải trả cho ông Nguyễn Duy K số tiền nợ là 17.500.000 (*mười bảy triệu, năm trăm ngàn đồng*) đồng.

Ghi nhận ông Nguyễn Duy K không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần DNA của đối với bà Huỳnh Mỹ P và ông Phan Cao A.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Duy K nếu bà Huỳnh Mỹ P và ông Phan Cao A chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ.

Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng bà Huỳnh Mỹ P phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010406 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà P đã nộp xong án phí hôn nhân.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Mỹ P và ông Phan Cao A mỗi người phải nộp là 875.000 (*tám trăm bảy mươi lăm ngàn*) đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Duy K 875.000 (*tám trăm bảy mươi lăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010472 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần DNA 7.883.000 (*bảy triệu, tám trăm tám mươi ba ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011371 ngày 31/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS TP Bến Tre(1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND phường PT, TPBT (1b);
- Lưu HS, VP(2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thảo**